

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 308/2021/DS-ST

Ngày: 01/11/2021

V/v trA chấp “Chia Thừa kế và
chia tài sản chung”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT-TỈNH TIỀN GIANG

- TH3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Hiền

2. Bà Trần Ngọc Bảo Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Trinh** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 10 và 01 tháng 11 N 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 343/2020/TLST-DS ngày 20/10/2020 về việc trA chấp: “Chia thừa kế và chia tài sản chung”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **107/2021/QĐXXST-DS** ngày 01/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Quốc D**, sinh N 1969. Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn: **Dương Quốc T**, sinh N 1975. Địa chỉ: Ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. **Dương Thị H**, sinh N 1965. Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.2. **Dương Tấn H1**, sinh N 1967. Địa chỉ: Ấp Tân Thạnh, xã Tân Lý Đông, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.3. **Dương Thị Bạch T1**, sinh N 1971. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.4. **Dương Thị Cẩm N**, sinh N 1973. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.5. **Dương Ngọc L**, sinh N 1977. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.6. **Dương Thị T2 N1**, sinh N 1978. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.7. **Nguyễn Phi Y**, sinh N 1984. Địa chỉ: Ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.8. **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh N 1985. Địa chỉ: Ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3.9. **Huỳnh Mẫn Đ**, sinh N 1988. Địa chỉ: Ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3.10. **Đinh Minh H2**, sinh N 1995. Địa chỉ: Ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện ủy quyền của Ngọc B, Mẫn Đ và Minh H2 có: chị **Nguyễn Phi Y**, sinh N 1984. Địa chỉ: Ấp Cửu Hòa, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.11. **Trần Ngọc H2**, sinh N 1965. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.12. **Dương Thị Phương T2**, sinh N 1984. Địa chỉ: Ấp Phước Thuận, xã Phước Thạnh, thị trấn Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3.13. **Trần Dương Thị Phương H3**, sinh N 1986. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3.14. **Trần Dương Thị Phương T3**, sinh N 1989. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3.15. **Trần Dương T T4**, sinh N 1994. Địa chỉ: Ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3.16. **Trần Dương Phương Trinh**, sinh N 1999. Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Phương T2, Phương H3, Phương T3, T T4, Phương Trinh có ông **Trần Ngọc H2**, sinh N 1965. Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.17. **Cổ Minh Q**, sinh N 1979. Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.18. **Dương Trần T4 A**, sinh N 2001. Địa chỉ: Ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Dương Quốc D có ý kiến trình bày:*

Cha của ông tên là Dương Văn N (sinh N 1935, chết N 2006), mẹ tên là Trương Thị N (sinh N 1938, chết N 1998). Ông, bà nội ngoại đều chết trước cha mẹ ông, các A chị em ông gồm có:

1. Dương Thị Lệ (sinh N 1959, chết N 2003), có 04 người con là Nguyễn Phi Y, Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Mẫn Đ, Đinh Minh H2. Cả 04 người cha của 04 đứa con bà Lệ đều không phải là cH hợp pháp của bà Lệ và hiện 04 người này đều đã chết.

2. Dương Thị Hoa (sinh N 1962, chết N 2008), H3ng thừa kế gồm cH là ông Trần Ngọc H2 và các con là Dương Thị Phương T2, Trần Dương Thị Phương H3, Trần Dương Thị Phương T3, Trần Dương T T4, Trần Dương Phương Trinh;

3. Dương Quốc D;

4. Dương Thị H;

5. Dương Tấn H1;

6. Dương Thị Bạch T1;

7. Dương Thị Cẩm N;

8. Dương Quốc T;

9. Dương Ngọc L;

10. Dương Thị T2 N1;

Cha mẹ ông mất, không để lại di chúc để lại các phần tài sản gồm có:

- Diện tích 3.762m² (theo đo đạc thực tế là 3.641,4m²), thuộc thửa số 2293, loại đất ONT + LNQ tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho hộ ông Dương Văn N vào N 1993. Trên đất có ngôi nH3 thờ 03 gian xây cất vào N 1979, hiện do ông T quản lý.

- Diện tích 26,3m² (theo đo đạc thực tế là 25,3m²) thuộc thửa đất số 134 và diện tích 136,2 m² (theo đo đạc thực tế là 138,8m²) thuộc thửa đất số 135 cùng thuộc tờ bản đồ số 8, cùng tọa lạc tại ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có 01 căn nH3 cấp 4 được ngăn làm 02 phần. NH3 đất này do mẹ ông là Trương Thị N đứng tên trong sổ bộ địa chính, chưa được cấp chủ quyền. Hiện nay do Dương Thị Cẩm N, Dương Thị Bạch T1, Dương Thị T2 N1, Cố Minh Q (cH bà N), Dương Trần T4 A (con bà N) cùng sinh sống, quản lý.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Chia tài sản chung cho ông ½ thửa đất số 2293, diện tích đất 3.641,4 m² tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang vì phần đất này là tài sản chung của ông và cha ông và phần còn lại chia theo pháp luật, phần được nhận yêu cầu nhận toàn bộ ở hướng Tây Bắc. Trường hợp không chấp nhận chia tài sản chung thì yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ thửa đất 2293 và chia 1/10 thửa đất số 134, diện tích đất 25,3 m² tọa lạc tại ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; thửa đất số 135, diện tích đất 138,8m² tọa lạc tại ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang và 02 căn nH3 gắn liền trên 02 thửa đất 2293, 135.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông **Dương Quốc T** có ý kiến trình bày như sau:*

Thông nhất với ông D về H3ng thừa kế, toàn bộ tài sản trA chấp là di sản của cha mẹ để lại không phải tài sản hộ gia đình như ông D trình bày. Ông là người chăm sóc, lo ma chay, đám tiệc và quản lý nH3 đất tại Tân Hương. Chính ông là người chăm sóc, phụng dưỡng cha, mẹ đến khi mất. Đối với ý kiến ông D cho rằng sống cùng cha từ nhỏ thì không đúng, chính ông mới là người sống cùng cha và phụng dưỡng, còn ông D chỉ sống với cha ông trong vài N, khi lập gia đình thì sống riêng cho đến nay.

Nay đồng ý chia thừa kế tH3nh 10 kỷ phần, yêu cầu giao nH3 đất tại thị trấn Tân H2 cho ông D. Còn lại 9 kỷ phần thừa kế xin nhận chung và xin nhận nH3 và

đất tại xã Tân Hương cùng với những người thừa kế còn lại. Không yêu cầu phân chia phần tài sản này, yêu cầu ông D trả lại giá trị chênh lệch tài sản đã nhận. Đối với tài sản trên đất là cây trái, chuồng heo của ông thì ông không trA chấp, các bên sẽ tự thỏa thuận phân chia sau. Về công sức đóng góp của ông vào phần đất là không lớn, nên ông không yêu cầu tính công sức này cho ông.

** Theo lời khai trong qua trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Dương Thị H, Dương Tấn H1, Dương Thị Bạch T1, Dương Thị Cẩm N, Dương Ngọc L, Dương Thị T2 N1, Nguyễn Phi Y, Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Mẫn Đ, Đinh Minh H2** (đại diện ủy quyền của Ngọc B, Mẫn Đ và Minh H2 là chị Nguyễn Phi Y), **Trần Ngọc H2, Dương Thị Phương T2, Trần Dương Thị Phương H3, Trần Dương Thị Phương T3, Trần Dương T T4, Trần Dương Phương Trinh**, (người đại diện theo ủy quyền của Phương T2, Phương H3, Phương T3, T T4, Phương Trinh là ông Trần Ngọc H2) cùng có ý kiến trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bị đơn ông Dương Quốc T. Toàn bộ tài sản trA chấp là của ông N, bà N để lại nên yêu cầu chia làm 10 kỷ phần bằng nhau. Phần đất tại xã Tân Hương không phải tài sản hộ, chính ông T mới là người chăm sóc cha mẹ, quản lý đất đai. Riêng ông D đã có gia đình và sống riêng cha mẹ nên không có công sức đóng góp.

Hiện tại hoàn cảnh của mọi người là rất khó khăn, tất cả đi làm thuê nên không có khả năng hoàn giá trị khi nhận nH3 đất tại thị trấn Tân H2, chỉ có kinh tế gia đình ông D là khá hơn mọi người. Vì vậy, đồng ý cùng với ông T nhận phần tài sản tại xã Tân Hương như yêu cầu của ông T.

** Theo lời khai trong qua trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Cố Minh Q** có ý kiến trình bày:*

Ông là cH của bà N, ông chỉ là người ở chung nH3 tại thị trấn Tân H2. Nếu nH3 và đất giao cho người được chia thì A đồng ý giao trả theo quyết định của Tòa án.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Dương Trần T4 A** có ý kiến trình bày:*

A là con của ông Q và bà N, A chỉ là người ở chung nH3 tại thị trấn Tân H2 với cha mẹ. Nếu nH3 và đất giao cho người khác thì A đồng ý giao trả theo quyết định của Tòa án.

** Tại phiên tòa,*

- Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ tài sản trA chấp tH3nh 10 kỷ phần bằng nhau, giao toàn bộ di sản tại thị trấn Tân H2 cho ông D, các di sản còn lại giao cho các đồng thừa kế còn lại. Buộc ông D trả lại giá trị vượt quá kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ trA chấp: Xác định đây là quan hệ trA chấp “Chia thừa kế và chia tài sản chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 5 và 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu thừa kế: Cụ Dương Văn N chết N 2006 và cụ Trương Thị N chết N 1998, tính đến thời điểm khởi kiện là chưa quá 30 N và tài sản trA chấp là nH3 và đất. Căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện về chia thừa kế vẫn còn.

[2.2] Về H3ng thừa kế: Do cha, mẹ của cụ Dương Văn N và cụ Trương Thị N đều chết trước 02 cụ, nên chỉ có 10 người con của 02 cụ được hưởng thừa kế, cụ thể là:

- Bà Dương Thị Lệ;
- Bà Dương Thị Hoa;
- Ông Dương Quốc D;
- Bà Dương Thị H;

- Ông Dương Tấn H1;
- Bà Dương Thị Bạch T1;
- Bà Dương Thị Cẩm N;
- Ông Dương Quốc T;
- Ông Dương Ngọc L;
- Bà Dương Thị T2 N1;

Xét thấy, trong 10 người con của bà Lê thì chỉ có 08 người còn sống, có 02 người đã chết, đó là:

- Bà Dương Thị Lê chết N 2003 tức chết trước cụ Dương Văn N nên các con được thừa kế thế vị phần di sản bà Lê được hưởng của cụ Dương Văn N. Đồng thời, bà Lê chết sau cụ Trương Thị N nên cH và con của bà Lê sẽ hưởng phần di sản của bà Lê được hưởng của cụ Dương Văn N. Hiện tại 04 người cha của 04 người con bà Lê không phải là cH hợp pháp và đều chết nên 04 người con của bà Lê là Nguyễn Phi Y, Nguyễn Thị Ngọc B, Huỳnh Mẫn Đ, Đinh Minh H2 là người hưởng kế thừa của bà Lê.

- Bà Dương Thị Hoa chết N 2008 tức chết sau cụ Dương Văn N và cụ Trương Thị N nên cH là bà Hoa là ông Trần Ngọc H2 và các con là Dương Thị Phương T2, Trần Dương Thị Phương H3, Trần Dương Thị Phương T3, Trần Dương T T4, Trần Dương Phương Trinh là người hưởng kế thừa của bà Hoa.

[2.3] Về di sản:

Đối với các tài sản các đương sự thống nhất là di sản của vợ cH cụ N gồm:

- NH3 chính trên thửa đất 2293 có diện tích 87,4m². Kết cấu: Móng cột bê tông cốt thép, vách tường tô 2 mặt, nền gạch bông, mái ngói có giá trị theo định giá là 182.709.700 đồng.

- NH3 phụ liên kế trên thửa đất 2293 có diện tích 48,24m². Kết cấu: Móng cột bê tông cốt thép, vách tường tô 2 mặt, nền xi măng, mái phirô xi măng có giá trị theo định giá là 76.665.420 đồng.

- NH3 bếp trên thửa đất 2293 có diện tích 17,16m². Kết cấu: cột gạch, vách tường xây 3 mặt, không tô 01 vách, nền xi măng, mái phirô xi măng có giá trị theo định giá là 9.326.460 đồng.

- Diện tích 26,3m² (theo đo đạc thực tế là 25,3m²) đất thuộc thửa đất số 134, loại đất CLN, thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang có giá trị theo định giá là 126.500.000 đồng.

- Diện tích 136,2 m² (theo đo đạc thực tế là 138,8m²) đất thuộc thửa đất số 135, loại đất ONT, thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Rầy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang có giá trị theo định giá là 2.082.000.000 đồng.

- NH3 chính trên thửa đất 135 có diện tích 115m², theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu NH3 số 382/CN.UB ngày 15/4/1992 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho cụ Trương Thị N. Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường tô 2 mặt, nền gạch men (50%) và xi măng (50%), mái tôn sóng vuông có giá trị theo định giá là 76.912.000 đồng.

Xét thấy, đối với 02 thửa đất 134, 135 tuy hiện tại do bà Dương Thị Cẩm N kê khai trên hồ sơ địa chính nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn Tân H2 vẫn xác định cụ Trương Thị N là người quản lý lúc còn sống và là đối tượng để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với căn NH3 trên thửa đất 135 thì cụ Trương Thị N đứng tên quyền sở hữu. Đồng thời, các đương sự đều thống nhất các tài sản trên là của vợ chồng cụ N, nên xác định đây là di sản của vợ chồng cụ N.

Đối với di sản chưa thống nhất là 3.762m² (theo đo đạc thực tế là 3.641,4m²) đất, thuộc thửa số 2293, loại đất ONT + LNQ tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10550.QSĐĐ/TH ngày 20/6/1998 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho cụ Dương Văn N có giá trị theo định giá là 2.913.120.000 đồng.

Xét ý kiến của ông D cho rằng thửa đất số 2293 là tài sản chung của ông và cụ Dương Văn N và yêu cầu chia ½ diện tích thửa đất này cho ông là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10550.QSĐĐ/TH thì phần đất này đứng tên cá nhân cụ Dương Văn N, đồng thời theo hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thấy vào năm 1991 cụ Dương Văn N cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tạm cấp) đứng tên cá nhân, đơn xin cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện cụ Dương Văn N là người đứng tên xin cấp cùng vợ là cụ Trương Thị N. Do đó, đủ cơ sở xác định đây là di sản của vợ chồng cụ N.

Vì vậy, tổng giá trị di sản của vợ cH cụ N là **5.467.233.580 đồng** (182.709.700 đồng + 76.665.420 đồng + 9.326.460 đồng + 126.500.000 đồng + 2.082.000.000 đồng + 76.912.000 đồng + 2.913.120.000 đồng).

[2.4] Về phân chia di sản:

Xét thấy, người quản lý di sản là ông Dương Quốc T, bà Dương Thị Cẩm N, bà Dương Thị Bạch T1, bà Dương Thị T2 N1, ông Cố Minh Q (cH bà N), A Dương Trần T4 A (con bà N) đều tự nguyện không yêu cầu hoàn trả chi phí bảo vệ làm tăng giá trị di sản. Đối với chuồng bò và cây trái của ông T trên đất, ông T không yêu cầu giải quyết đối với tài sản này.

Phía ông D cho rằng có cải tạo đất cùng cha đối với thửa đất số 2293 nhưng không có chứng cứ chứng minh. Các A em ông D đều xác định ông D lúc đầu sống với mẹ, chỉ sống với cha khoảng 3 N, sau đó lấy vợ và sống riêng với vợ con, không chăm sóc cha, mẹ. Quá trình sống chung với cha thì ông D không có công sức cải tạo đất, trên đất hiện nay chỉ có một số cây trái do ông T trồng, chuồng bò của ông T xây dựng. Do đó ý kiến này của ông D là không có cơ sở chấp nhận.

Theo phân tích trên cho thấy toàn bộ tài sản trA chấp được xác định là của vợ cH cụ N, vợ cH cụ N chết không để lại di chúc nên di sản của 02 cụ sẽ được chia theo pháp luật mà không tính công sức giữ gìn, cải tạo làm tăng giá trị tài sản. Cụ thể, chia di sản của vợ cH cụ N thành 10 kỷ phần bằng nhau, giá trị của mỗi kỷ phần là **546.723.358 đồng** (5.467.233.580 đồng/10).

Xét phần di sản tại thị trấn Tân H2 gồm có thửa đất 135 với diện tích 138,8m² và căn nH3 gắn liền trên đất, thửa đất 134 chỉ có diện tích 25,3m² bị vây bọc và liền kề thửa 135 nên chỉ có thể giao cho 01 người thừa kế. Đối với phần di sản tại xã Tân Hương là thửa đất số 2293 và căn nH3 trên đất, hiện hình thể thửa đất khó có thể phân chia tách đồng đều. Mặc khác, ngoài ông D thì những người thừa kế còn lại đều có hoàn cảnh khó khăn và đồng ý cùng nhận phần di sản này mà không cần chia làm 9 phần. Do đó cần giao phần di sản tại thị trấn Tân H2 cho ông D, giao phần di sản tại xã Tân Hương cho các đồng thừa kế còn lại. Do phần di sản ông D nhận được là 2.285.412.000 đồng (126.500.000 đồng + 2.082.000.000 đồng + 76.912.000 đồng), nên cần buộc ông D hoàn lại cho các đồng thừa kế còn lại giá trị chênh lệch là 1.738.688.642 đồng (2.285.412.000 đồng - 546.723.358 đồng).

[3] Về án phí: Cần buộc mỗi kỷ phần thừa kế phải chịu 25.868.934 đồng.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông D tự nguyện chịu và không yêu cầu giải quyết chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản mà ông đã nộp.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 212, 219, 609, 612, 623, 649, 650, 651, 652, 660, Bộ luật Dân sự N 2015.

Căn cứ vào các Điều 26, 166 Luật đất đai N 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quốc D về yêu cầu chia tài sản chung 3.762m² (theo đo đạc thực tế là 3.641,4m²) đất, thuộc thửa số 2293, loại đất ONT + LNQ tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Quốc D về yêu cầu chia thừa kế.

Giao cho ông Dương Quốc T, bà Dương Thị H, ông Dương Tấn H1, bà Dương Thị Bạch T1, bà Dương Thị Cẩm N, A Dương Ngọc L, bà Dương Thị T2 N1, chị Nguyễn Phi Y, chị Nguyễn Thị Ngọc B, A Huỳnh Mẫn Đ, A Đinh Minh H2, ông Trần Ngọc H2, chị Dương Thị Phương T2, chị Trần Dương Thị Phương H3, chị Trần Dương Thị Phương T3, A Trần Dương T T4, chị Trần Dương Phương Trinh quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- 3.641,4m² đất, thuộc thửa số 2293, loại đất ONT + LNQ tọa lạc tại ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 10550.QSĐĐ/TH ngày 20/6/1998 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho cụ Dương Văn N. Phần đất có tứ cận là:

+ Đông giáp đất ông Phạm T Vũ, ông Phạm Công Trình.

+ Tây giáp đất ông Lương Ngọc Lâm, ông Nguyễn T Hải.

+ Nam giáp đường Liên Tân.

+ Bắc giáp đất ông Phạm Văn Nhịn, bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Văn Phước.

(có sơ đồ kèm theo)

- NH3 chính trên thửa đất 2293 có diện tích 87,4m². Kết cấu: Móng cột bê tông cốt thép, vách tường tô 2 mặt, nền gạch bông, mái ngói.

- NH3 phụ liên kế trên thửa đất 2293 có diện tích 48,24m². Kết cấu: Móng cột bê tông cốt thép, vách tường tô 2 mặt, nền xi măng, mái phirô xi măng.

- NH3 bếp trên thửa đất 2293 có diện tích 17,16m². Kết cấu: cột gạch, vách tường xây 3 mặt, không tô 01 vách, nền xi măng, mái phirô xi măng.

Giao cho ông Dương Quốc D quản lý, sử dụng các tài sản sau:

- 25,3m² đất thuộc thửa đất số 134, loại đất CLN, thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có tứ cận là:

+ Đông giáp đất ông Liên Đức Minh, bà Nguyễn Thị Ngọc Vân.

+ Tây giáp cống thoát nước.

+ Nam giáp đất ông Đào Công H1

+ Bắc giáp đất ông Liên Phương Vinh.

(có sơ đồ kèm theo)

- 138,8m² đất thuộc thửa đất số 135, loại đất ONT, thuộc tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Rẫy, thị trấn Tân H2, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Phần đất có tứ cận là:

+ Đông giáp cống thoát nước.

+ Tây giáp đường Gia Bình.

+ Nam giáp đất ông Nguyễn Xuân Đ.

+ Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị N1.

(có sơ đồ kèm theo)

- Căn nh3 trên thửa đất 135 có diện tích 115m². Kết cấu: Cột bê tông đúc sẵn, vách tường tô 2 mặt, nền gạch men (50%) và xi măng (50%), mái tôn sóng vuông. Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nh3 số 382/CN.UB ngày 15/4/1992 do Ủy ban nhân dân huyện CT cấp cho cụ Trương Thị N.

Bà Dương Thị Cẩm N, bà Dương Thị Bạch T1, bà Dương Thị T2 N1, ông Cố Minh Q, A Dương Trần T4 A có nghĩa vụ giao các thửa đất 134, 135 và căn nh3 trên thửa đất 135 cho ông Dương Quốc D quản lý sử dụng.

Ông Dương Quốc D hoàn lại 1.738.688.642 đồng giá trị vượt quá kỷ phần thừa kế cho ông Dương Quốc T, bà Dương Thị H, ông Dương Tấn H1, bà Dương Thị Bạch T1, bà Dương Thị Cẩm N, A Dương Ngọc L, bà Dương Thị T2 N1, chị

Nguyễn Phi Y, chị Nguyễn Thị Ngọc B, A Huỳnh Mẫn Đ, A Đinh Minh H2, ông Trần Ngọc H2, chị Dương Thị Phương T2, chị Trần Dương Thị Phương H3, chị Trần Dương Thị Phương T3, A Trần Dương T T4, chị Trần Dương Phương Trinh.

Việc giao tiền, giao nH3, giao đất thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo qui định pháp luật về đất đai và nH3 ở.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi H3nh án có đơn yêu cầu thi H3nh án, nếu người phải thi H3nh không trả khoản tiền nêu trên thì H3ng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi H3nh án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Quốc D phải chịu 25.868.934 đồng án phí, ông D đã nộp 4.206.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003365 ngày 20/10 2020 của Chi cục thi H3nh án dân sự huyện CT, ông D phải nộp tiếp 21.662.434 đồng.

Ông Dương Quốc T, bà Dương Thị H, ông Dương Tấn H1, bà Dương Thị Bạch T1, bà Dương Thị Cẩm N, A Dương Ngọc L, bà Dương Thị T2 N1, mỗi người phải nộp 25.868.934 đồng án phí.

Chị Nguyễn Phi Y, chị Nguyễn Thị Ngọc B, A Huỳnh Mẫn Đ, A Đinh Minh H2 liên đới nộp 25.868.934 đồng án phí.

Ông Trần Ngọc H2, chị Dương Thị Phương T2, chị Trần Dương Thị Phương H3, chị Trần Dương Thị Phương T3, A Trần Dương T T4, chị Trần Dương Phương Trinh liên đới nộp 25.868.934 đồng án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng ông Cố Minh Q được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND H. CT;
- Chi cục THADS H. CT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

